

## PHẨM THỨ HAI: THỂ LY VI THANH TỊNH

Hội nhập là Ly, xuất phát là Vi. Biết nẻo nhập thì bên ngoài Ly, cảnh không còn đối tượng để nương dựa. Rõ lối xuất phát thì bên trong Vi, tâm không có tạo tác. Tâm ở trong không có tạo tác, mọi nhận thức chẳng thể chuyển dời. Cảnh ở ngoài không còn đối tượng để nương dựa, thì muôn vật chẳng thể buộc ràng. Muôn vật không thể ràng buộc thì sự suy nghĩ chẳng rong ruổi. Mọi nhận thức chẳng thể chuyển dời, thì nẻo vắng lặng chẳng thể bàn luận. Có thể gọi đó là thể vốn thanh tịnh, chính là Ly Vi. Y cứ vào chỗ nhập nên gọi là Ly. Dựa theo chỗ dụng nên gọi là Vi. Lẫn lộn mà là một, nên không Ly không Vi. Thể nơi Ly chẳng hề nhiễm, không nhiễm nên không tịnh. Thể nơi Vi chẳng thể hiện hữu, không hiện hữu nên không nương dựa. Cho nên dụng mà chẳng phải có, vắng lặng mà chẳng phải không. Chẳng phải không nên chẳng phải đoạn. Chẳng phải có nên chẳng phải thường. Ôi tánh của Ly, Vi là chẳng phải lấy chẳng phải bỏ, chẳng phải tu chẳng phải học, chẳng phải là xưa không nay có, chẳng phải xưa có nay không, cho đến một pháp chẳng sinh, một pháp chẳng diệt. Chẳng phải thuộc về ba cõi. Chẳng phải đối tượng do sáu cõi biến hóa. Chẳng phải chỗ đổi thay của ngu, trí. Chẳng phải chỗ chuyển biến của chân vọng. Thường bình đẳng hiện khắp, tất cả đều tròn đầy. Hợp lại thành một, chính là khuôn mặt của sự ứng hóa trong pháp giới rộng lớn. Mê lầm thì trải qua bao kiếp mà cứ mãi tu. Tỏ ngộ thì ứng hợp với Thể mà an định. Phàm vọng có đối tượng ham muốn, do chẳng quán tưởng về Ly, vọng khởi có đối tượng tạo tác, là do chẳng xem xét về Vi, chẳng xem xét về Vi, thì bên trong khởi ác kiến. Chẳng quán tưởng về Ly, thì bên ngoài khởi phiền não cấu uế. Bên ngoài đầy khởi phiền não cấu uế, nên bên ngoài là cảnh phiền não của ma nhiễm loạn, bên trong khởi ác kiến, nên bên trong là tà kiến mê hoặc. Đã rõ trong ngoài thường duyên sinh, nên biết tông chỉ của bản tánh như nhiên còn ẩn khuất.

Do vậy, mê lầm về Ly bị vọng nhiễm là phàm phu, mê chấp về chỗ nhiễm vọng nhiễm nơi Ly là Nhị thừa. Thông hiểu bản tánh là Ly, đó là Bồ-tát. Tỏ ngộ, thấy biết Ba thừa không khác, đó chính là Phật, chân thật bình đẳng. Nhưng, Lý rất mực sâu xa mầu nhiệm, chẳng thể dùng ngôn từ diễn đạt mà hiển bày được. Chẳng thể dùng hình tướng chỉ ra để nhận biết được. Hễ muốn chỉ ra tướng ấy thì mê chấp vào không tướng. Muốn làm hiển bày lời giảng nói thì lại mê chấp chỗ không giảng nói. Nhưng muốn chẳng giảng nói, chẳng chỉ bày thì phải

khó khăn trong việc truyền đạt ý nghĩa. Nên Ly Vi của đạo mâu nhiệm, Lý tốt cùng khó hiểu bày. Ôi! Sỡ dĩ gọi là Ly vì thể chẳng kết hợp với vật, chẳng cùng phân ly với vật, ví như gương sáng thì phản chiếu muôn hình tượng, nhưng gương sáng ấy chẳng kết hợp với các hình ảnh, cũng chẳng chia lìa với Thể. Lại như hư không thu vào tất cả, nhưng không có chỗ nào bị cấu nhiễm vướng mắc. Năm sắc chẳng thể làm ô uế. Năm ấm chẳng thể làm nhiễm loạn. Muôn vật chẳng thể trói buộc. Vô vàn hiện tượng chẳng thể khiến cho lẫn lộn, nên gọi là Ly. Sỡ dĩ gọi là Vi, vì Thể linh diệu không hình, không sắc, không tướng, nhưng công dụng thì ứng hợp với muôn mối mà chẳng thấy dung mạo, chứa đựng ẩn giấu trăm thứ khéo léo mà chẳng hiển bày công đức. Xem kỹ chẳng thể thấy, lắng nghe chẳng thể nghe. Song có hằng sa muôn đức chẳng thường, chẳng đoạn, chẳng lìa, chẳng tan. Nên gọi là Vi. Như thế thì hai chữ Ly Vi bao trùm những điểm chính yếu của Đạo. Sáu nhập không chút dấu vết gọi là Ly. Muôn dụng đều vô ngã gọi là Vi, Vi tức là Ly, Ly tức là Vi. Chỉ dựa theo sự việc từ gốc mà nói ra hai tên gọi, nhưng Thể là một. Phàm tu tập đạo pháp đều phải dứt trừ phiền não, mong chứng Bồ-đề, bỏ Tiểu thừa, hướng về dụng rộng lớn. Nhưng trong Lý mâu nhiệm đều không có việc ấy. Thể là Ly, vốn không có phiền não để dứt trừ, không có cỗ xe nhỏ để từ bỏ. Thể là Vi, không có Bồ-đề để mong chứng đắc, không có dụng lớn để nhìn về, vì sao? Vì không một pháp nào để tương ứng. Vì vậy nên bậc Thánh chẳng dứt trừ vọng, chẳng chứng đắc chân, có thể gọi là muôn dụng mà tự nhiên. Người cầu pháp không có đối tượng để mong cầu, nên cái vẻ sơ sài chân chất của vô danh, cũng xem như chẳng dục. Đó có thể gọi là Diệu giác. Ôi! nói về Ly Vi, vọng thức chẳng nhận thức được, tà tri chẳng hiểu biết được. Thế nào là vọng thức? Đó là sáu thức. Thế nào là tà trí? Đó là hai Trí. Do đó thể chân thật là một, chẳng thể là đối tượng nhận thức của hai Trí. Thể không có vật nên chẳng phải đối tượng lãnh hội của sáu thức. Không có một pháp từ ngoài tới, chẳng có một pháp từ trong ra. Lại không có pháp nhỏ nào hòa hợp mà sinh. Có thể gọi đó là cảnh giới tái sinh, là cõi chân thân. Thể lìa tất cả mọi nhận thức, nên chẳng thể dùng ý để suy lường. Thể lìa tất cả mọi hạn lượng, nên chẳng thể dùng ngôn từ để thâm tóm. Do vậy mà Duy-ma lặng thinh, Như lai im tiếng. Tuy giảng nói vô số các thừa đều là phương tiện để mở bày, chỉ rõ, tỏ ngộ, hội nhập tri kiến của Phật. Phàm nhận biết là nhận biết về Ly, thấy rõ là thấy rõ về Vi. Nên kinh nói: “Thấy rõ về Vi gọi là Phật, nhận biết về Ly gọi là pháp”. Vì vậy biết về Ly nên chẳng kết hợp với tất cả phiền

nào. Nhờ thấy rõ về Ly nên chẳng gắn bó với luống dối. Không còn luống dối thì cái lý của bản tánh như nhiên hiển bày, dứt hết phiền não thì ngọc sáng tự nhiên. Ôi nghĩa của Ly. Vi chẳng phải một, chẳng phải hai, chẳng thể dùng ngôn từ giảng nói để có thể hiển bày. Chỉ nên dùng tâm sâu xa để lý giải về Thể, soi sáng hiện tiền. Đối cảnh tâm lặng, gặp duyên chẳng động. Chớ nên theo Ly Vi, rong ruổi với thức, miệng nói tâm trái, lý sẽ chẳng thật. Có thể gọi là không ngày không đêm, không yên tĩnh không huyên náo. Chuyên nhất chẳng dời, mới được kết hợp. Nếu vọng chấp có đối tượng để lấy, vọng chấp có đối tượng để bỏ, vọng chấp có đối tượng để tu, vọng chấp có đối tượng để đạt, đều chẳng hội nhập chỗ chân thật, trái với nghĩa của Ly Vi, hủy hoại pháp của đạo lớn. Gọi là chân là do chẳng ứng hợp với mong tìm vì bên ngoài không có đối tượng để đạt đến. Gọi thật là do chẳng ứng hợp với sự tu tập, vì bên trong không có đối tượng để chứng đắc, chỉ dốc dứt sạch vọng tưởng thì Ly Vi mới hiện rõ.

Ly là rỗng lặng, Vi là trống rỗng. Rỗng lặng tĩnh tịch, nên gọi là Ly Vi. Bậc Thánh sở dĩ không có vọng tưởng vì đã thấu đạt về Ly. Sở dĩ có được diệu dụng đặc biệt là vì không tỏ về Vi. Vi nên không tâm, Ly nên không thân, thân tâm cùng mất thì trí linh diệu riêng còn. Dứt hẳn bờ mé có không, dứt hết chốn ngụ của ngã sở. Pháp giới như trời, diệu dụng đầy đủ, sáng rõ như lại không sinh. Nên bậc Thánh ở nơi vô vi mà hành hóa, giáo pháp mà không lời, lý sâu xa ứng hợp. Vắng lặng không người, do đó mà gồm chung cả mọi hình tượng tổng quát, bao gồm muôn vật, ví như hư không.

Ôi, kẻ mê lầm, vô ngã cho là ngã, nên bên trong sinh điên đảo về ngã. Do trong sinh điên đảo về ngã nên lý mâu của bậc Thánh chẳng thông tỏ. Diệu lý của bậc Thánh chẳng thông tỏ, nên bên ngoài có chỗ được đặt để, bên ngoài có chỗ được đặc để nên trong ngoài sinh chướng ngại. Trong ngoài đã sinh chướng ngại thì sự vật diệu lý chẳng thông hợp. Bên vọng khởi các dòng. Lẫn lộn ở chỗ soi chiếu nẻo phi, muôn hình tượng chìm mất, nên tông chỉ duy nhất, chân thật trở thành nhiễu loạn. Các thứ kiến chấp tranh nhau dấy lên. Vì trôi giạt vô định, nên mới tạo ra sự bàn luận về Ly Vi, nhằm làm hiển bày thể mâu nhiệm sâu xa. Người học hỏi cố gắng suy nghĩ, có thể biết được hư thật. Ôi! sắc pháp như hình bóng, thanh pháp như tiếng vang, nhưng dùng hình bóng, tiếng vang nhằm nói bày, chỉ rõ, vẫn chưa đủ để cho là chân thật. Nên ngón tay chẳng phải mặt trăng, ngôn từ chẳng phải là đạo. Hội nhập đạo thì không còn ngôn từ. Thấy mặt trăng thì không còn ngón tay. Bởi

vậy, kẻ mê lầm về Ly tức là các thứ ma. Yêu thích giữ lấy các cảnh nên tham đắm sinh tử. Mê lầm về Vi tức là ngoại đạo. Chẳng phân biệt suy tìm mà các thứ kiến chấp xuất hiện đầy dẫy.

Về gốc rễ của các thứ kiến chấp thì chẳng ngoài có không. Thế nào là có? Đó là chỗ tạo tác của chỗ có vọng. Thế nào là không? Là xem xét chỗ không đạt được chính do nơi hai kiến chấp có không, liền khởi vô số các thứ kiến chấp, các kiến chấp đã đầy là tà kiến, chẳng chân thật, nên gọi là ngoại đạo, còn về gốc rễ của sinh tử, đó là còn mất. Thân còn là sinh, thân mất là diệt. Vọng tưởng chấp trước, giữ lấy cảnh giới bên ngoài gồm đủ thân kiến. Tham ái nơi chốn sinh ra cao quý ở vị lai, sẽ thọ nhận quả báo tốt đẹp. Nên gọi đó là ma. Nếu lấy giải thể là Ly thì đối với tất cả các pháp chẳng chấp trước không có sự tham ái cấu nhiễm, tức vượt khỏi cảnh giới ma. Nếu thông tỏ thể là Vi thì tất cả các pháp đều vắng lặng, không có vọng tưởng tức vượt qua vô số các thứ tà kiến của ngoại đạo. Nên kinh dạy: “liạ tự tánh, rất sâu xa mâu nhiệm”. Do vậy, Vi là không có kiến chấp, Ly là không có vướng mắc. Không kiến chấp, không vướng mắc, tịnh diệt là an vui. Thế nào là khổ? Do chẳng thông tỏ về Vi nên bên trong có đối tượng để nhớ nghĩ. Chẳng thấu đạt về ly thì bên ngoài có đối tượng nương tựa, bên ngoài có đối tượng nương dựa tức là tham, bên trong có đối tượng để nhớ nghĩ tức là duyên. Tham duyên đã khởi, thì đó là chỗ bị sai khiến theo cảnh giới ma. Ngày đêm càng hiện rõ, không lúc nào ngừng, chịu đủ các thứ phiền não nhọc nhằn, nên gọi là khổ. Thế nào là vui? Vì thông hiểu về vi, nên bên trong không có đối tượng để nhớ nghĩ. Do thấu đạt về Ly, nên bên ngoài không có đối tượng để nương dựa. Bên ngoài không có đối tượng nương dựa nên không tham, bên trong không có đối tượng nhớ nghĩ nên không duyên, không duyên nên không bị muôn vật trói buộc, cũng không bị các thứ phiền não sai khiến. Thanh tịnh, rỗng lặng, tịnh tịch, không còn bị trói buộc, tự tánh giải thoát, nên gọi là vui.

Ôi, Ly tức là lý, vi tức là mật. Thế nào là Lý? Chẳng liạ tất cả các vật. Thế nào gọi là mật? Cái dụng hiển bày được ẩn giấu khéo léo. Lại nữa, Ly tức là không, vi tức là có. Không nên vô tướng, có nên nhiều hình. Vì thế chẳng phải có chẳng phải không là tông chỉ của muôn pháp. Chẳng phải không chẳng phải có là mẹ của muôn vật. Chỗ ra thì không phương, chỗ vào thì không chốn. Chứa đựng muôn loài mà chẳng tạo việc, ứng hóa muôn mối mà chẳng làm chủ. Vì vậy, ngôi nhà nhỏ mà dung lượng mênh mông, chỉ một niệm mà thông đạt khắp. Tâm chẳng phải lường tính được, ý chẳng thể nhận thức, có thể gọi đó là an trụ nơi

diệu lực của sự giải thoát chẳng thể nghĩ bàn. Sao cho chẳng nghĩ bàn là thể nơi Ly V? Sao gọi giải thoát là không còn bị ràng buộc? Ly là pháp, vi là Phật. Hòa hợp chẳng hai thì gọi là Tăng. Nên ba tên gọi mà là một thể, một thể mà ba tên gọi. Hòa hợp nên không phân biệt, quay về gốc không tên.

Lại nữa, Ly là Dung, Vi là dụng. Dung nên chứa đựng cả cấu uế, dụng nên không có bạn bè. Không có bạn đồng hành tức là luôn thể hiện sự biến hóa mầu nhiệm. Chứa đựng cả cấu uế nên muôn loài đều có thể cùng ở. Lại, không mất không tay là Ly, có thấy có nghe là Vi. Vô ngã không tạo tác là Ly, có trí có dụng là Vi. Không tâm không ý là Ly, có thông có đạt là Vi.

Thêm nữa, Ly là Niết-bàn, Vi là Bát-nhã. Bát-nhã nên công dụng lớn được phát huy mở rộng. Niết-bàn nên vắng lặng hoàn toàn. Hoàn toàn tuyệt đối nên phiền não mãi mãi dứt sạch. Diệu dụng lớn nên sự giáo hóa của bậc Thánh là vô cùng. Nếu người không thấu đạt về Ly Vi, thì dốc tu khổ hạnh đầu đà, xa lìa trần cảnh, dứt trừ tham sân si, thể hiện thành tựu nhĩ nhục, trải qua Vô lượng kiếp, rốt cuộc không hội nhập chỗ chân thật. Vì sao? Vì đều dựa vào chỗ hành hóa chấp là chính, trụ nơi chứng đắc chấp là có, chẳng lìa bỏ các thứ kiến chấp mộng tưởng, điên đảo. Nếu lại có người hiểu về Thể là Ly Vi, tuy vẫn còn vọng tưởng tập khí hiện hành cùng phiền não, nhưng thường xuyên hiểu biết về nghĩa mầu của Ly Vi, thì người ấy chẳng bao lâu sẽ hội nhập nẻo chân thật nơi đạo pháp vô thượng. Vì sao? Vì đã thông tỏ cội rễ của chánh kiến.

Hơn nữa, nói về Ly là đối với sáu nhập, nói về Vi là đối với sáu thức. Nếu hợp chung sáu thành một, vắng tĩnh không vật, chẳng phải là năm, bốn, ba, chẳng phải là chín, tám, bảy. Chỉ vì bậc Thánh trong việc ứng hợp với căn cơ nói bày giáo pháp, nhằm đối trị mê chấp không giống nhau, nhưng trong lý rất ráo thì hoàn toàn không có danh tự. Ví như hư không, lìa số lượng, chẳng phải số lượng, lìa tánh, chẳng phải tánh. Chẳng phải một, chẳng phải khác, chẳng phải cảnh giới, chẳng phải lìa cảnh giới, chẳng phải dùng ngôn từ giảng nói. Vượt quá giới hạn của văn tự, ra ngoài dùng so lường của tâm, chẳng có đến đi, chẳng có ra vào. Ôi về kinh luận thì, đều dựa theo nẻo thường tình để phá trừ sự lượng tính của các căn. Dùng vô số phương tiện đều chẳng trụ chấp nơi hình tướng sự việc. Như chẳng trụ chấp nơi hình tướng sự việc thì chẳng cần tới tất cả ngôn từ giảng nói, cùng sử dụng ý nghĩa của Ly, Vi. Nên kinh nói rõ: “Tùy nghi giảng nói giáo pháp, diệu dụng sâu xa

khó lãnh hội!”. Tuy nói về vô số các thừa, đều là pháp quyền biến tiếp ứng tạo phương tiện giúp đạo, rõ ràng chẳng phải Niết-bàn, giải thoát rốt ráo. Ví như có người ở trong hư không vẽ ra vô số hình sắc, tạo ra vô vàn âm thanh, nhưng hư kia thật sự không có hình tướng đối khác, cũng không nhận sự biến động gì cả. Nên biết hóa thân Chư Phật, cũng nói pháp giống như thế. Đối với “Thật Đế” hoàn toàn chẳng có một khác. Vì vậy, trời đất chứa đựng Ly, hư không bao gồm Vi; muôn vật dao động, tạo sự biến hóa như là vô Vi.

Ôi! Trong thần có trí, trong trí có thông. Thông có năm thứ, Trí có ba thứ. Năm thông gồm: Một là đạo Thông, hai là Thần thông, ba là y Thông, bốn là báo Thông, năm là yêu Thông. Thế nào là yêu Thông? Như loài Hồ Ly già biến thành tinh của cây đá, dựa giẫm vào thân người có sự thông hiểu kỳ lạ, đó là yêu thông. Thế nào là Báo Thông? Như quý thần biết chống lại sự biến hóa của các vị trời, rõ về Trung âm, sinh làm rồng thần biến hóa. Đó là Báo thông, thế nào là Y thông? Dựa theo pháp mà biết duyên nơi thân thể sử dụng, nương theo bùa phép mà qua lại, biến hóa mâu nhiệm, dùng thuốc cứu người đó là Y thông, thế nào là Thần thông? Tâm vắng lặng soi tỏ các vật, vận mạng từ đời trước đã nắm rõ, vô số sự phân biệt đều tùy theo diệu lực của định, đó là Thần thông. Thế nào là Đạo thông? Tâm không định ứng hợp với vật, theo duyên biến hóa hiện trong muôn loài, rõ muôn pháp như bóng trăng đáy nước, hoa đóm trong hư không, là hình bóng, v.v không chủ, đó là Đạo thông.

Thế nào là Ba Trí? Đó là:

a/ Chân Trí.

b/ Nội Trí.

c/ Ngoại Trí

- Ngoại trí là sự phân biệt các căn, biết rõ trần cảnh, xem rộng xưa nay, thấu tóm mọi sự việc ở thế gian.

- Nội trí là tự biết nhận về vô minh, dứt trừ phiền não, tâm ý tịnh tĩn, dứt sạch mọi thứ có không.

- Chân trí là thấu tỏ về Thể vốn không vật, xưa nay vắng lặng, sự thông đạt không bến bờ, sạch nhỏ là không hai, nên chân Trí không tỏ về đạo, chẳng thể dùng tên để gọi. Mọi thứ có còn lại đều là tà ngụy. Ngụy tức là chẳng chân. Tà tức là chẳng chánh. Tâm bị lầm loạn sinh mê chấp nơi Thể tánh. Vì thế, lãnh hội sâu xa về Ly Vi thì thấu đạt muôn vật. Tự tánh vốn chân vượt hơn muôn loài. Phàm nhận biết thì có tà chánh, thông đạt thì có chân ngụy. Nếu chẳng phải là mất pháp tinh

tướng thì khó có thể giải thích. Do đó nơi thế tục phần nhiều tin theo tà ngụy, ít tin theo lẽ chánh, chân. Giáo pháp lớn phải dừng việc hành hóa, còn cỗ xe nhỏ thì hiện được sử dụng. Nên biết, lý mẫu nhiệm thật khó hiển bày.

Phàm lý là không thân, Vi là không tâm. Không thân nên thân lớn, không tâm nên tâm lớn. Tâm lớn nên bao trùm cả muôn vật, thân lớn nên ứng hiện đầy khắp không cùng. Cho nên, chấp thân là thân thì mất đi sự ứng hiện rộng lớn. Chấp tâm là tâm thì mất đi trí tuệ lớn. Nên ngàn kinh muôn luận đều nói giảng là nên lia bỏ chấp đối với thân tâm. Phá trừ sự chấp trước ấy thì mới hội nhập cảnh giới chân thật. Ví như thợ chuyên đúc kim loại phải nung chảy quặng, lựa lấy kim loại thì mới tạo ra các đồ dùng. Nếu chấp có thân thì có sự ngăn ngại của thân. Do thân bị ngăn ngại nên pháp thân ẩn giấu trong hình tướng lờ mờ. Như chấp có tâm thì có sự chướng ngại của tâm. Tâm bị chướng ngại nên chân trí ẩn tàng trong suy nghĩ, nhớ tưởng. Cho nên đạo lớn chẳng thông, lý mẫu bị chìm khuất. Trong thì sáu thần loạn động, ngoài thì sáu cảnh duyên dựa, ngày đêm cứ tiếp nối không hề dừng nghỉ.

Ồi! Chẳng quán tướng trong tâm thì chẳng thấy được Vi, chẳng xem xét nơi thân thì chẳng thấy được Ly. Nếu chẳng thấy được Ly Vi thì đã đánh mất nẻo chủ yếu của đạo. Nên kinh chép: “Phật giảng nói chẳng phải thân mới gọi là thân lớn” cũng là ý ấy. Đó gọi là phá trừ quyền để quay về thật, hủy bỏ giả để trở về chân. Ví như người làm nghề kim hoàn nấu chảy vàng để làm các nữ trang: ở đây là diệt hình tướng, tạo nên một hỗn hợp để dẫn tới việc nặn đúc lớn lao. Nói sự nặn đúc lớn lao chính là đạo lớn, ở trong sự nặn đúc của đạo lớn ấy, biến tạo vô cùng, dẫn ra muôn ngàn nẻo chính. Hoặc thành hoặc hoại thì thể vẫn không thêm bớt. Nên kinh nói: “có Phật hay không Phật thì tánh tướng vẫn thường trụ”. Sở dĩ nói tướng dung hợp chỉ vì người ngu muội chấp có tướng, sợ không tướng, cho nên nói về tướng là nhằm phá trừ ngoại đạo chấp vô tướng, sợ hữu tướng. Sở dĩ nói về Trung đạo là nhằm khiến cho thấy hữu tướng chỉ là một. Đây đều là phá chấp trừ nghi, ngôn từ chẳng thể diễn đạt hết lý. Nếu có người hiểu rõ tướng là không, các pháp đều bình đẳng không hai, không lấy không bỏ, không đây không kia, cũng không có khoảng giữa, thì chẳng nhờ bậc Thánh giảng nói mà tự thông đạt. Phàm cho tướng là không tướng tức tướng mà là không tướng, nên kinh chép: “Sắc tức là không, chẳng phải sắc diệt trừ không.” Ví như nước chảy, gió thổi mạnh tạo nên bọt nước, thì bọt nước ấy là nước, chẳng phải bọt nước ấy diệt trừ nước. Phàm cho

vô tướng là tướng thì không tướng mà có tướng. Kinh chép: “Không tức là sắc, sắc là vô tận”. Ví như bọt nước bị vỡ thì trở lại thành nước, nước là bọt nước, chẳng phải nước lia bọt nước. Phàm yêu thích hữu tướng sợ vô tướng là do chẳng rõ có tướng tức là không tướng. Yêu thích vô tướng sợ hữu tướng là do chẳng rõ không tướng tức là có tướng. Do đó, có tướng và không tướng, tất cả đều ở chỗ cái Trung ấy. Giác ngộ điều đó gọi là Phật, tức mê vọng chẳng còn khởi. Mê vọng đã dứt hết thì gốc là chân thật. Ôi tướng của vô tướng gọi là Ly. Thể của Ly là vô tướng. Tướng tức là vô tướng gọi là Vi, thể của vi chẳng phải vô tướng. Do vậy người hành đạo, sống cũng chẳng vui, chết cũng chẳng buồn. Vì sao? Vì sinh là nổi trôi, chết là dừng nghỉ. Vì sống là biến hóa, chết là chân thật. Nên kinh chỉ rõ: “Dấy khởi thì chỉ có pháp dấy khởi, dứt diệt thì chỉ có pháp dứt diệt.”

Lại nữa, pháp ấy đều chẳng biết. Khi dấy khởi chẳng nói là ta dấy khởi. Lúc dứt diệt chẳng cho là ta dứt diệt. Ôi! Trí lớn là không trí, giác ngộ rộng lớn là không giác ngộ. Lý của cõi chân là không, chẳng thể nói bày, chỉ gọi. Vì thế, Niết-bàn là vắng lặng lớn, Bát-nhã là vô tri. Pháp thân tròn đầy, tất cả mọi hình tướng về hạn lượng đều vắng lặng.

-----